

Bản án số: 11/2019/HS-ST
Ngày: 13-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Minh Tự

Thẩm phán: Ông Ngô Đê

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Đình

Ông Nguyễn Hồng Bốn

Bà Lê Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thoản – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: bà Thân Thị Hồng Nở, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2019/TLST - HS, ngày 26 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Thị PY, sinh ngày 22/6/1971, tại huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C, sinh năm 1941 và bà Lâm Thị G, sinh năm 1944; có chồng: Nguyễn Văn N, sinh năm 1967; Bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 2006; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: tốt; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/7/2018 cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị PY: Luật sư Trương Hoàng P, Văn phòng Luật sư Trương Hoàng P, thuộc đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh bào chữa cho bị cáo theo chỉ định. (có mặt)

Bị hại:

1/ Bà Bùi Thị C, sinh năm 1970. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

2/ Bà Bùi Thị H, sinh năm 1988. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

3/ Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1984. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt);

- 4/ Bà Dương Thị Ngọc A, sinh năm 1972. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);
- 5/ Bà Dương Thị O, sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp 11, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có mặt);
- 6/ Ông Hà Văn Đ, sinh năm 1982. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt);
- 7/ Bà Kiều Thị Thu L, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp 11, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án);
- 8/ Bà Lâm Thị V, sinh năm 1969. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);
- 9/ Ông Lâm Văn B, sinh năm 1974. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có mặt);
- 10/ Ông Lâm Văn H, sinh năm 1971. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có mặt);
- 11/ Ông Lê Minh H2, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp 15, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có mặt);
- 12/ Bà Lê Thị Thu H3, sinh năm 1967. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);
- 13/ Bà Mai Thị D, sinh năm 1975. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);
- 14/ Bà Ngô Ngọc R, sinh năm 1983. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có mặt);
- 15/ Bà Ngô Thị Nhàn, sinh năm 1980. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có mặt);
- 16/ Bà Ngô Thị Thúy L, sinh năm 1981. Địa chỉ: Khóm B, phường 1, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);
- 17/ Bà Nguyễn Hồng Y, sinh năm 1977. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);
- 18/ Bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);
- 19/ Ông Nguyễn Quốc N, sinh năm 1994. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);
- 20/ Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1983. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);
- 21/ Bà Nguyễn Thanh Tr, sinh năm 1979. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);
- 22/ Bà Nguyễn Thanh V, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt);
- 23/ Bà Nguyễn Thị Bé S, sinh năm 1966. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có mặt);
- 24/ Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1961. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có mặt);
- 25/ Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp 11, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

26/ Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1966. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có mặt);

27/ Bà Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 1965. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

28/ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp 11, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có mặt);

29/ Bà Nguyễn Thị Như P, sinh năm 1974. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

30/ Bà Nguyễn Thị O2, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp N, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án);

31/ Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1977. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

32/ Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1970. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Vô:

1. Ông Trần Quốc T, sinh năm 1968. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

2. Ông Trần Toàn Nghĩa T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

3. Bà Trần Nguyễn Huyền Tr, sinh năm 1992. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

4. Ông Trần Toàn Hữu T, sinh năm 1998. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

33/ Bà Phạm Thị Thu T, sinh năm 1976. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có mặt);

34/ Bà Phan Thị N, sinh năm 1982. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

35/ Ông Tống Thanh V, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp P, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (có mặt);

36/ Bà Trầm Việt Tr, sinh năm 1994. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

37/ Ông Trần Thành V, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp B, xã H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có mặt);

38/ Bà Trần Thị Bích H, sinh năm 1975. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

39/ Bà Trần Thị Kim C, sinh năm 1978. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt);

40/ Bà Trần Thị S, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

41/ Bà Trương Thị M, sinh năm 1987. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

42/ Ông Trương Văn T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

43/ Bà Võ Thị, sinh năm 1970. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

44/ Bà Cao Thị T, sinh năm 1969. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

45/ Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1969. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Phan Thanh T, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp 13, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

2/ Bà Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1955. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có mặt);

3/ Bà Nguyễn Thu H, sinh năm 1967. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

4/ Bà Lê Phương T, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp 10, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có mặt);

5/ Bà Huỳnh Phùng Lệ T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

6/ Bà Trần Thị Kim N, sinh năm 1992. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

7/ Ông Trần Trung N, sinh năm 1990. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

8/ Bà Cao Thị M, sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp 10, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

9/ Ông Nguyễn Minh Tr, sinh năm 1983. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

10/ Bà Lý Thị T, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt);

11/ Bà Võ Mỹ X, sinh năm 1990. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

12/ Bà Trần Thị Tr, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp G, xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2015, bị cáo Trần Thị PY đứng ra tổ chức làm đầu thảo hội tại khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh để hưởng tiền huê hồng. Hình thức mở hội gồm có dây hội 01 tháng và 15 ngày khai một lần, giá hội từ 500.000 đồng đến 5.000.000 đồng, hội viên tham gia chủ yếu là người dân cư trú tại thị xã D và huyện C, tỉnh Trà Vinh. Thời gian làm đầu thảo hội đến năm 2016 để có tiền tiêu xài cá nhân và trả lãi vay đối với các khoản vay của người khác, bị cáo nảy sinh ý định sẽ gian dối trong các dây hội mình làm đầu thảo hội để chiếm đoạt tiền của hội viên. Lợi dụng các hội viên tin tưởng không đến mở thăm hội đầy đủ trong các kỳ khai hội, bị cáo PY đã dùng thủ đoạn gian dối kê tên không trong dây hội và tự ý lấy tên hội viên tham gia chơi thật để hốt hội (hội viên hoàn toàn không biết) chiếm đoạt tiền của hội viên sử dụng cho các khoản trên, dần dần bị cáo PY không còn khả năng thanh toán đến tháng 11 năm 2017 dương lịch (tháng 10

năm 2017 âm lịch) bị cáo PY tuyên bố vỡ hụi. Tại thời điểm vỡ hụi còn 10 dây hụi chưa kết thúc (chưa mãn) được mở trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2016 đến tháng 9 năm 2017. Trong 10 dây hụi chưa kết thúc, trong đó có 08 dây hụi Cơ quan điều tra chứng minh được bị cáo PY kê tên không và tự ý lấy tên (lấy phần hụi) của hụi viên để hốt hụi chiếm đoạt tiền của các hụi viên cụ thể như sau:

1. Dây hụi tháng 5.000.000 đồng, mở ngày 25/9/2016 âm lịch (dương lịch ngày 25/10/2016) bị cáo PY quy định 16 phần, thực tế có 11 người tham gia 15 phần, bị cáo kê tên không “Th” tham gia 01 phần là đủ 16 phần gồm: Bùi Thị C (01 phần), Lâm Thị C (01 phần), Kiều Thị Thu L (01 phần), Nguyễn Thanh Tr (01 phần), Trương Thị M (01 phần), Nguyễn Thị P (01 phần), Nguyễn Thị Thu T (03 phần), Trần Thị S (01 phần), Trần Thị Tr (03 phần), Trần Thị PY (02 phần), N (không rõ địa chỉ - 01 phần), kê 01 phần tên không “Th”.

Đến khi ngừng hụi (vỡ hụi) được 14 kỳ khai hụi, trong đó có 12 phần kêu hốt ở 12 kỳ, bị cáo PY gian dối hốt 02 phần ở 02 kỳ, cụ thể:

- Phần kê tên không “Th” hốt 01 phần ở kỳ 11 được số tiền 42.500.000 đồng, bị cáo Yén đóng lại số tiền 26.000.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 16.500.000 đồng.

- Bị cáo lấy tên hụi viên Nguyễn Thanh Tr hốt 01 phần ở kỳ 13 được số tiền 42.500.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 1.500.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 41.000.000 đồng.

Như vậy, dây hụi này bị cáo PY đã gian dối kê tên không hốt 01 phần và tự ý lấy tên hụi viên hốt 01 phần chiếm đoạt tổng số tiền 57.500.000 đồng, dây hụi còn 04 phần hụi sống, hụi viên đóng tổng số tiền là 192.500.000 đồng.

2. Dây hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 25/9/2016 âm lịch (dương lịch ngày 25/10/2016), bị cáo PY quy định 30 phần, thực tế có 20 người tham gia 29 phần, bị cáo kê tên không “Phượng Y” tham gia 01 phần là đủ 30 phần gồm: Dương Thị Ngọc A (01 phần), Nguyễn Thị Hồng H (02 phần), Lâm Văn H (03 phần), Ngô Thị N (03 phần), Dương Công Tr (01 phần), Nguyễn Thanh V (01 phần), Trần Thành V (01 phần), Nguyễn Thị Bé S (01 phần), Nguyễn Thị Thu H (01 phần), Nguyễn Thị Như P (01 phần), Nguyễn Thị C (01 phần), Trương Thị M (02 phần), Lâm Thị V (01 phần), Dương Thị O (03 phần), Tống Thanh V (02 phần), Lê Thị Thu H (01 phần), Trần Thị Kim C (01 phần), Võ Thị Ngọc Cu (01 phần), N (không rõ địa chỉ - 01 phần), Trần Thị PY (01 phần), tên không “Phượng Y” 01 phần.

Dây hụi 15 ngày khai hụi 01 lần, đến khi ngừng hụi (vỡ hụi) được 27 kỳ khai hụi, trong đó có 15 phần kêu hốt ở 15 kỳ, bị cáo PY gian dối hốt 12 phần ở 12 kỳ, cụ thể:

- Phần kê tên không “Phượng Y” hốt 01 phần ở kỳ 1 được số tiền 21.000.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 12.000.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 9.000.000 đồng.

- Phần bị cáo PY tự ý lấy tên của hụi viên tham gia để hốt:

- + Lấy tên hụi viên Dương Thị Ngọc A hốt 01 phần ở kỳ 12 được số tiền 17.480.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 3.288.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 14.192.000 đồng.

+ Lấy tên hội viên Nguyễn Thị Hồng H hót 02 phần: Phần thứ nhất bị cáo PY hót kỳ 19 được số tiền 18.850.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 1.985.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 16.865.000 đồng; phần thứ hai bị cáo PY hót kỳ 20 được số tiền 19.095.000 đồng, đóng lại số tiền 1.985.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 17.110.000 đồng.

+ Lấy tên hội viên Lâm Văn H hót 02 phần: Phần thứ nhất bị cáo PY hót kỳ 6 được số tiền 18.330.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 4.643.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 13.687.000 đồng; phần thứ hai bị cáo PY hót kỳ 11 được số tiền 18.800.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 3.288.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 15.512.000 đồng.

+ Lấy tên hội viên Trần Thành V, bị cáo PY hót 01 phần ở kỳ 24 được số tiền 18.670.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 1.380.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 17.290.000 đồng.

+ Lấy tên hội viên Nguyễn Thị C, bị cáo PY hót 01 phần ở kỳ 23 được số tiền 18.430.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 1.185.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 17.245.000 đồng.

+ Lấy tên hội viên Dương Thị O hót 03 phần : Phần thứ nhất bị cáo PY hót kỳ 8 được số tiền 16.785.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 3.165.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 13.620.000 đồng; phần thứ hai bị cáo PY hót kỳ 16 được số tiền 21.020.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 1.775.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 19.245.000 đồng; phần thứ ba bị cáo PY hót kỳ 17 được số tiền 19.124.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 1.775.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 17.349.000 đồng.

+ Lấy tên hội viên Trương Thị M, bị cáo PY hót 01 phần ở kỳ 13 được số tiền 18.260.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 3.288.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 14.972.000 đồng.

Như vậy, bị cáo PY đã gian dối kê tên không hót 01 phần và tự ý lấy tên hội viên hót 11 phần chiếm đoạt tổng số tiền 186.087.000 đồng, đây hội còn 16 phần hội sống, hội viên đóng tổng số tiền là 250.678.000 đồng (trong đó có 01 phần hót chưa giao, hội viên tính hội sống và 01 phần bị cáo mượn hội hót)

3. Dây hội 1.000.000 đồng, mở ngày 30/11/2016 âm lịch (ương lịch ngày 28/12/2016), bị cáo PY quy định 26 phần, thực tế có 18 người tham gia 24 phần, bị cáo kê tên không 02 phần “5 Y”, “H” là đủ 26 phần gồm: Dương Thị Ngọc A (01 phần), Nguyễn Quốc N (01 phần), Lâm Văn H (03 phần), Ngô Thị N (01 phần), Trần Thị L (01 phần), Lý Thị T (01 phần), Đỗ Thị M (01 phần), Trần Thành V (01 phần), Nguyễn Hồng Y (01 phần), Ngô Ngọc R (02 phần), Nguyễn Thị Như P (01 phần), Trương Thị M (02 phần), Lâm Thị V (01 phần), Trương Văn Th (01 phần), Tống Thanh V (02 phần), Trần Thị Kim C (01 phần), Ngô Thị Thúy L (02 phần), Lê Thị Thu H (01 phần), 02 phần hội không “5 Y”, “H”.

Dây hội 15 ngày khai hội 01 lần, đến khi ngừng hội được 23 kỳ khai hội, trong đó có 14 phần kêu hót ở 14 kỳ, bị cáo PY gian dối hót 09 phần ở 09 kỳ gồm 02 phần có tên kê không và 07 phần lấy tên của hội viên (đối với phần hội bị cáo PY gian dối hót, bị cáo không xác định rõ hót từng phần ở từng kỳ nào).

Dây hội này mở đến khi ngừng hội, bị cáo PY thu tiền hội sống và hội chết tổng cộng số tiền 363.466.000 đồng (gồm hội sống số tiền 294.466.000 đồng và hội chết số tiền 69.000.000 đồng), bị cáo PY có giao lại tiền hội cho 14 phần hót thật tổng cộng số tiền là 282.490.000 đồng, bị cáo PY còn chiếm đoạt số tiền 80.976.000 đồng liên quan đến 09 phần bị cáo PY đã gian dối hót. Dây hội còn 11 phần hội sống, hội viên đóng tổng số tiền là 158.834.000 đồng (trong đó có 01 phần bị cáo mượn hội hót).

4. Dây hội tháng 5.000.000 đồng, mở ngày 05/01/2017 âm lịch (dương lịch ngày 01/02/2017) bị cáo PY quy định 19 phần, thực tế có 13 người tham gia 18 phần, bị cáo kê tên không 01 phần tên “L” là đủ 19 phần gồm: Lâm Văn B (01 phần), Nguyễn Thị Kim H (01 phần), Nguyễn Thị O2 (01 phần), Võ Thị Mỹ X (01 phần), Ngô Ngọc R (02 phần), Trương Thị M (02 phần), Nguyễn Thị C (01 phần), Ngô Thị Thúy L (01 phần), Nguyễn Thị Thu T (03 phần), Trần Thị S (02 phần), Nguyễn Thị Thúy A (01 phần), Trầm Việt Tr (01 phần), Trần Thị PY (01 phần), 01 phần hội không tên “L”.

Dây hội 01 tháng khai hội 01 lần, đến khi ngừng hội được 10 kỳ khai hội, trong đó có 06 phần kêu hót ở 06 kỳ, bị cáo PY gian dối hót 04 phần ở 04 kỳ, cụ thể:

- Phần kê tên không “L”, bị cáo PY hót 01 phần ở kỳ 3 được số tiền 62.000.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 23.500.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 38.500.000 đồng.

- Phần bị cáo PY tự ý lấy tên của hội viên tham gia để hót:

- + Lấy tên hội viên Nguyễn Thị Thu T hót 02 phần: Phần thứ nhất hót kỳ 6 được số tiền 62.500.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 4.500.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 58.000.000 đồng; phần thứ hai hót kỳ 7 được số tiền 62.500.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 4.500.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 58.000.000 đồng.

- + Lấy tên hội viên Trần Thị S hót 01 phần ở kỳ 5 được số tiền 62.500.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 4.500.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 58.000.000 đồng.

Như vậy, bị cáo PY đã gian dối kê tên không hót 01 phần và tự ý lấy tên hội viên hót 03 phần chiếm đoạt tổng số tiền 212.500.000 đồng, dây hội còn 12 phần hội sống, hội viên đóng tổng số tiền là 420.000.000 đồng.

5. Dây hội 500.000đ, mở ngày 20/02/2017 âm lịch (dương lịch ngày 17/03/2017) bị cáo PY quy định 23 phần, thực tế có 12 người tham gia 21 phần, bị cáo kê tên không “S” 02 phần là đủ 23 phần gồm: Lê Minh H2 (02 phần), Ngô Thị N (01 phần), Đỗ Thị M (01 phần), Phan Thị Ng (02 phần), Nguyễn Thị Như P (01 phần), Nguyễn Thanh Tr (02 phần), Trương Thị M (06 phần), Nguyễn Thị V (01 phần), Dương Thị A (01 phần), Trần Thị Kim C (01 phần), Huỳnh Thị T (02 phần), Trần Thị PY (01 phần), 02 phần hội không tên “S”

Dây hội 15 ngày khai hội 01 lần, đến khi ngừng hội được 17 kỳ khai hội, trong đó có 11 phần kêu hót ở 11 kỳ, bị cáo PY gian dối hót 06 phần ở 06 kỳ, cụ thể:

- Phần kê tên không “S”, hót 02 phần: Phần thứ nhất hót kỳ 7 được số tiền 6.985.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 4.130.000 đồng, chiếm đoạt số

tiền 2.855.000 đồng; phần thứ hai hót kỳ 8 được số tiền 6.910.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 4.130.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 2.780.000 đồng.

- Phần bị cáo PY tự ý lấy tên của hội viên tham gia để hót:

+ Lấy tên hội viên Lê Minh H2 hót 02 phần: Phần thứ nhất hót kỳ 13 được số tiền 7.225.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 820.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 6.435.000 đồng; phần thứ hai hót kỳ 14 được số tiền 7.190.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 820.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 6.370.000 đồng.

+ Lấy tên hội viên Nguyễn Thanh Tr hót 02 phần: Phần thứ nhất hót kỳ 9 được số tiền 6.820.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 1.244.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 5.576.000 đồng; phần thứ hai hót kỳ 12 được số tiền 7.320.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 820.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 6.500.000 đồng.

Như vậy, bị cáo PY đã gian dối kê tên không hót 02 phần và tự ý lấy tên hội viên hót 04 phần chiếm đoạt tổng số tiền 30.516.000 đồng, đây hội còn 10 phần hội sống, hội viên đóng tổng số tiền là 48.910.000 đồng.

6. Dây hội tháng 5.000.000 đồng, mở ngày 10/4/2017 âm lịch (dương lịch ngày 05/5/2017) bị cáo PY quy định 18 phần, thực tế có 13 người tham gia 16 phần, bị cáo kê thêm 02 phần không tên “H”, “T” là đủ 18 phần gồm: Nguyễn Thanh V (01 phần), Nguyễn Thị M (01 phần), Nguyễn Thị Kim X (03 phần), Nguyễn Thị Bé S (01 phần), Ngô Ngọc R (01 phần), Nguyễn Thị C (01 phần), Nguyễn Thanh Tr (01 phần), Nguyễn Thị V (01 phần), Bùi Thị H (01 phần), Mai Thị D (01 phần), Cao Thị T (01 phần), Ngô Thị Thúy L (02 phần), Trần Thị PY (01 phần), 02 phần hội không tên “H”, “T”.

Dây hội 01 tháng khai hội 01 lần, đến khi ngừng hội được 7 kỳ khai hội, trong đó có 05 phần kê hót 05 kỳ, bị cáo PY gian dối hót 02 phần ở 02 kỳ, cụ thể:

- Phần kê tên không “H”, hót 01 phần ở kỳ 1 được số tiền 52.500.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 5.000.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 47.500.000 đồng.

- Phần kê tên không “T”, hót 01 phần ở kỳ 2 được số tiền 52.500.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 5.000.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 47.500.000 đồng.

Như vậy, bị cáo PY đã gian dối kê tên không hót 02 phần chiếm đoạt tổng số tiền 95.000.000 đồng, đây hội còn 14 phần hội sống, hội viên đóng tổng số tiền là 339.500.000 đồng (trong đó có 01 phần hót chưa giao, hội viên tính hội sống, 02 phần bị cáo mượn hội hót).

7. Dây hội 1.000.000đ, mở ngày 20/5/2017 âm lịch (dương lịch ngày 14/6/2017) bị cáo PY quy định 28 phần, thực tế có 18 người tham gia 26 phần, bị cáo kê tên không “T” 02 phần là đủ 28 phần gồm: Dương Thị Ngọc A (02 phần), Võ Thị C (01 phần), Nguyễn Thành H (01 phần), Lâm Văn H (02 phần), Nguyễn Hồng Y (01 phần), Nguyễn Thị M (01 phần), Nguyễn Thị Kim X (02 phần), Nguyễn Ngọc L (01 phần), Ngô Ngọc R (01 phần), Phạm Thị Thu T (01 phần), Nguyễn Thị C (01 phần), Nguyễn Thanh Tr (01 phần), Trương Thị M (04

phần), Nguyễn Thị V (01 phần), Lâm Thị V (01 phần), Ngô Thị Thúy L (02 phần), Huỳnh Thị D (01 phần), Trần Thị PY (02 phần), 02 phần không tên “S”.

Dây hui 15 ngày khai hui 01 lần, đến khi ngừng hui được 11 kỳ trong đó có 09 phần kêu hót ở 09 kỳ, bị cáo PY gian dối hót 03 phần ở 03 kỳ, cụ thể:

- Phần kê tên không “T” hót 02 phần: Phần thứ nhất hót kỳ 3 được số tiền 16.830.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 4.000.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 12.830.000 đồng; phần thứ hai hót kỳ 4 được số tiền 16.710.000 đồng, bị cáo PY đóng số tiền 4.000.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 12.710.000 đồng.

- Lấy tên hui viên Nguyễn Ngọc L hót 01 phần ở kỳ 5 được số tiền 16.710.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 1.200.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 15.510.000 đồng.

Như vậy, bị cáo PY đã gian dối kê tên không hót 02 phần và tự ý lấy tên hui viên hót 01 phần chiếm đoạt tổng số tiền 41.050.000 đồng, dây hui còn 20 phần hui sống, hui viên đóng tổng số tiền là 145.070.000 đồng (trong đó 02 phần bị cáo mượn hui hót).

8. Dây hui tháng 3.000.000 đồng, mở ngày 28/7/2017 âm lịch (dương lịch ngày 18/9/2017) bị cáo PY quy định 16 phần, thực tế có 08 người tham gia 14 phần, bị cáo kê thêm 02 phần hui không tên “S”, “H” là đủ 16 phần gồm: Hà Văn Đ (01 phần), Lâm Văn H (02 phần), Nguyễn Thị M (04 phần), Trần Thị Bích H (02 phần), Trần Thị Kim C (01 phần), Nguyễn Thị S (01 phần), Ngô Thị Thúy L (02 phần), Trần Thị PY (01 phần), 02 phần hui không tên “S”, “H”.

Dây hui 01 tháng khai hui 01 lần, đến khi ngừng hui được 03 kỳ khai hui, có 02 phần kêu hót ở 02 kỳ, bị cáo PY gian dối hót 01 phần ở 01 kỳ, cụ thể:

- Phần kê tên không “S” hót 01 phần ở kỳ 2 được số tiền 28.380.000 đồng, bị cáo PY chiếm đoạt hết số tiền này, phần kê không tên “H” bị cáo PY chưa hót. Dây hui còn 13 phần hui sống, hui viên đóng tổng số tiền là 60.580.000 đồng (trong đó bị cáo mượn hui hót 01 phần).

Ngoài ra, còn lại 02 dây hui chưa mần gồm dây hui 2.000.000đ mở ngày 29/01/2017 âm lịch (dương lịch ngày 25/02/2017) và dây hui 500.000đ mở ngày 05/6/2017 âm lịch (dương lịch ngày 27/7/2017), Cơ quan điều tra đã chứng minh rõ bị cáo PY không có chiếm đoạt tiền của các bị hại.

Việc bị cáo Trần Thị PY vay tiền của 21 người gồm: Lâm Văn B, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Thu H, Ngô Thị N, Trần Kim N, Trần Trung N, Nguyễn Thị Ánh N, Cao Thị M, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thanh Tr, Nguyễn Minh Tr, Lý Thị T, Nguyễn Thị Bé S, Nguyễn Thanh V, Nguyễn Thị Kim X, Võ Mỹ X, Nguyễn Hồng Y, Hồ Thị Bé N, Trần Thị S, Trần Thị Tr và Lâm Văn H với tổng số tiền là 3.908.000.000đ. Đối với số tiền này, Cơ quan điều tra đã chứng minh đây là giao dịch dân sự, không liên quan đến vụ án.

Quá trình điều tra bị cáo Trần Thị PY đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo PY khai nhận số tiền chiếm đoạt là 732.009.000 đồng sử dụng cho tiêu xài cá nhân, trả lãi vay, ngoài ra còn sử dụng đóng hui cho các phần bị cáo PY tham gia chơi, hết số tiền trên. Do bị mất cân đối không còn khả năng thanh toán tiền cho hui viên nên bị cáo PY tuyên bố vỡ hui.

Tại bản cáo trạng số: 09/CT-VKS-P1 ngày 25/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định truy tố Trần Thị PY về tội “Lừa đảo chiếm

đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, khung hình phạt tù từ mười hai đến hai mươi năm hoặc tù chung thân.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trần Thị PY thống nhất với nội dung bản cáo trạng số: 09/CT-VKS-P1 ngày 25/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh. Từ năm 2015 bị cáo bắt đầu trực tiếp đứng ra làm chủ hội (đầu thảo hội), nhưng do tiêu xài cá nhân và trả lãi vay đối với các khoản vay nên từ năm 2016, bị cáo bị mất cân đối trong việc thanh toán tiền nợ vay và nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của các hội viên bằng cách kê tên khống vào các dây hội để hốt, tự ý lấy tên của các hội viên để hốt hội nhằm chiếm đoạt tài sản. Đến tháng 11 năm 2017, bị cáo không còn khả năng thanh toán cho các hội viên nên tuyên bố vỡ hội. Bị cáo thừa nhận đã có hành vi chiếm đoạt tổng số tiền 732.009.000 đồng (Bảy trăm ba mươi hai triệu không trăm lẻ chín nghìn đồng) trong 08 dây hội như kết quả của cơ quan điều tra.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay các bị hại có mặt là Dương Thị O, Kiều Thị Thu L, Lâm Văn B, Lâm Văn H, Lê Minh H2, Ngô Ngọc R, Ngô Thị N, Nguyễn Thanh V, Nguyễn Thị Bé S, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị O2, Phạm Thị Thu T, Tống Thanh Trần Thành V yêu cầu bị cáo trả cho các ông bà số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt theo quy định pháp luật.

Các bị hại Bùi Thị C, Bùi Thị H, Đỗ Thị M, Dương Thị Ngọc A, Hà Văn Đ, Lâm Thị V, Lê Thị Thu H, Mai Thị D, Ngô Thị Thúy L, Nguyễn Hồng Y, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Quốc N, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thanh Tr, Nguyễn Thị Hồng H, Nguyễn Thị Kim X, Nguyễn Thị Như P, Nguyễn Thị S, Phan Thị N, Trần Thị Bích H, Trần Thị Kim C, Trần Thị S, Trương Thị M, Trương Văn T, Võ Thị C và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị hại Nguyễn Thị V là Trần Quốc T, Trần Toàn Nghĩa T, Trần Nguyễn Huyền Tr, Trần Toàn Hữu T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã chiếm đoạt theo quy định pháp luật.

Đối với bà Cao Thị T là hội viên bị chiếm đoạt số tiền là 6.786.000 đồng nhưng từ chối làm việc, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, không đặt ra yêu cầu bồi thường số tiền bị chiếm đoạt nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bà Nguyễn Thị Thu T là hội viên bị chiếm đoạt số tiền là 125.778.000 đồng, bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và không yêu cầu bồi thường số tiền bị chiếm đoạt nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bà Trầm Việt Tr là hội viên bị chiếm đoạt số tiền là 4.278.000 đồng, bà Tr yêu cầu xét xử vắng mặt và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền còn lại là 884.153.000 đồng (Tám trăm tám mươi bốn triệu một trăm năm mươi ba nghìn đồng) mà cơ quan điều tra không chứng minh bị cáo có hành vi chiếm đoạt trong 08 dây hội nêu trên và 02 dây hội bị cáo không có thực hiện hành vi chiếm đoạt (dây hội 2.000.000đ mở ngày 29/01/2017 âm lịch (đương lịch ngày 25/02/2017) và dây hội 500.000đ mở ngày 05/6/2017 âm lịch (đương lịch ngày 27/7/2017)) thì các hội viên và người kế thừa quyền, nghĩa vụ của hội viên sẽ được khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khi có yêu cầu.

Đối với khoản nợ vay là 3.908.000.000đ (Ba tỷ chín trăm lẻ tám triệu đồng) mà bị cáo còn nợ thì ông Lâm Văn B, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Thu H, bà Ngô Thị N, bà Trần Kim N, ông Trần Trung N, bà Nguyễn Thị Ánh N, bà Cao Thị M, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thanh Tr, ông Nguyễn Minh Tr, bà Lý Thị T, bà Nguyễn Thị Bé S, bà Nguyễn Thanh V, bà Nguyễn Thị Kim X, bà Võ Mỹ X, bà Nguyễn Hồng Y, bà Hồ Thị Bé N, bà Trần Thị S, bà Trần Thị Tr và ông Lâm Văn H sẽ được khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khi có yêu cầu.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Sau khi phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả đối chất, tranh tụng công khai tại phiên tòa hôm nay đã đủ căn cứ quy kết bị cáo Trần Thị PY phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Vị Kiểm sát viên quyết định giữ nguyên nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Thị PY từ 12 năm đến 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 24/7/2018. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị hại Nguyễn Thị V, sự tự nguyện này là phù hợp với quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; đối với bà Cao Thị T, bà Nguyễn Thị Thu T và bà Trầm Việt Tr là hui viên bị chiếm đoạt tiền hui nhưng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét; đối với khoản tiền hui, tiền vay mà cơ quan điều tra chứng minh bị cáo không thực hiện hành vi chiếm đoạt thì các bị hại, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị hại Nguyễn Thị V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án được khởi kiện vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu. Ngoài ra, Vị còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm và dành quyền kháng cáo cho những người tham gia tố tụng theo quy định pháp luật.

- *Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo cho rằng:* Vị hoàn toàn thống nhất với nội dung Cáo trạng 09/CT-VKS-P1 ngày 25/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định truy tố Trần Thị PY về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là đúng người, đúng tội. Với tư cách là người bào chữa cho bị cáo thấy rằng nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo là do bị cáo thiếu nợ, mất khả năng trả nợ nên dẫn đến thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ như: bị cáo thành thật khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt, cha và mẹ của bị cáo đã lớn tuổi, cha bị cáo là người có công với cách mạng; bị cáo bị bệnh tim thiếu máu cục bộ, hở van 2 lá $\frac{1}{4}$, hở van động mạch chủ $\frac{1}{4}$; trong thời gian bị tạm giam bị cáo rất ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của bị cáo và có tác động gia đình khắc phục hậu quả thay cho bị cáo nhưng gia đình, người thân không còn ai để hỗ trợ thực hiện việc khắc phục hậu quả thay cho bị cáo do hoàn cảnh gia đình bị cáo đơn chiếc, đã ly thân chồng hơn 11 năm,

con còn nhỏ. Đây là những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Qua quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo Trần Thị PY: Bị cáo rất ăn năn, hối cải về hành vi mà bị cáo đã gây ra. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm cải tạo, chấp hành xong hình phạt, về địa phương an tâm lao động để trả nợ cho các bị hại và những người khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát, những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự.

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo thống nhất với nội dung bản Cáo trạng số 09/CT-VKS-P1 ngày 25/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh đã mô tả. Bị cáo thừa nhận do bị mất cân đối trong việc thanh toán tiền nợ vay nên bị cáo nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của các hội viên bằng cách kê tên khống vào các dây hội để hốt, tự ý lấy tên của các hội viên để hốt hội nhằm chiếm đoạt tài sản. Đến tháng 11 năm 2017, bị cáo không còn khả năng thanh toán cho các hội viên nên tuyên bố vỡ hội, số tiền bị cáo đã có hành vi chiếm đoạt của các bị hại là 732.009.000 đồng (Bảy trăm ba mươi hai triệu không trăm lẻ chín nghìn đồng) trong 08 dây hội mà bị cáo làm đầu thảo, cụ thể như sau:

1. Dây hội tháng 5.000.000 đồng, mở ngày 25/9/2016 âm lịch (dương lịch ngày 25/10/2016) đến khi ngừng hội còn 04 phần sống gồm: Bùi Thị C tham gia 01 phần, Kiều Thị Thu L tham gia 01 phần, Nguyễn Thị Thu T tham gia 01 phần và Nguyễn Thanh Tr tham gia 01 phần.

- Phần kê tên khống “T” hốt 01 phần ở kỳ 11 được số tiền 42.500.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 26.000.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 16.500.000 đồng. Do đó, số tiền bị cáo chiếm đoạt của bà Bùi Thị C là 5.500.000 đồng, của bà Kiều Thị Thu L là 5.500.000 đồng, của bà Nguyễn Thị Thu T là 5.500.000 đồng.

- Bị cáo lấy tên hội viên Nguyễn Thanh Tr hốt 01 phần ở kỳ 13 được số tiền 42.500.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 1.500.000 đồng, chiếm đoạt của bà Tr số tiền 41.000.000 đồng.

2. Dây hội 1.000.000 đồng, mở ngày 25/9/2016 âm lịch (dương lịch ngày 25/10/2016), đến khi ngừng hội còn 16 phần hội sống, trong đó có 11 phần bị cáo lấy tên hốt là Dương Thị Ngọc A (01 phần), Nguyễn Thị Hồng H (02 phần), Lâm Văn H (02 phần), Trần Thành V (01 phần), Nguyễn Thị C (01 phần),

Trương Thị M (01 phần), Dương Thị O (03 phần); 05 phần hội sống là Lâm Thị V (01 phần), Nguyễn Thanh V (01 phần), Ngô Thị N (03 phần).

- Phần kê tên không “Phượng Y” hót 01 phần ở kỳ 1 được số tiền 21.000.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 12.000.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 9.000.000 đồng. Do đó, số tiền bị cáo chiếm đoạt của bà Nguyễn Thanh V là 1.800.000 đồng, của bà Lâm Thị V là 1.800.000 đồng và của bà Ngô Thị N là 5.400.000 đồng.

- Phần bị cáo PY tự ý lấy tên của hội viên tham gia để hót:

+ Lấy tên hội viên Dương Thị Ngọc A hót 01 phần ở kỳ 12 được số tiền 17.480.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 3.288.000 đồng, chiếm đoạt của bà Ngọc A số tiền 14.192.000 đồng.

+ Lấy tên hội viên Nguyễn Thị Hồng H hót 02 phần: Phần thứ nhất bị cáo PYn hót kỳ 19 được số tiền 18.850.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 1.985.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 16.865.000 đồng; phần thứ hai bị cáo PY hót kỳ 20 được số tiền 19.095.000 đồng, đóng lại số tiền 1.985.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 17.110.000 đồng. Tổng cộng số tiền chiếm đoạt của bà H là 33.975.000 đồng.

+ Lấy tên hội viên Lâm Văn H hót 02 phần: Phần thứ nhất bị cáo PY hót kỳ 6 được số tiền 18.330.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 4.643.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 13.687.000 đồng; phần thứ hai bị cáo PY hót kỳ 11 được số tiền 18.800.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 3.288.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 15.512.000 đồng. Tổng cộng số tiền chiếm đoạt của ông H là 29.199.000 đồng.

+ Lấy tên hội viên Trần Thành V, bị cáo PY hót 01 phần ở kỳ 24 được số tiền 18.670.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 1.380.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 17.290.000 đồng.

+ Lấy tên hội viên Nguyễn Thị C, bị cáo PY hót 01 phần ở kỳ 23 được số tiền 18.430.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 1.185.000 đồng, chiếm đoạt của bà C số tiền 17.245.000 đồng.

+ Lấy tên hội viên Dương Thị O2 hót 03 phần: Phần thứ nhất bị cáo PY hót kỳ 8 được số tiền 16.785.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 3.165.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 13.620.000 đồng; phần thứ hai bị cáo PY hót kỳ 16 được số tiền 21.020.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 1.775.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 19.245.000 đồng; phần thứ ba bị cáo PY hót kỳ 17 được số tiền 19.124.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 1.775.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 17.349.000 đồng. Tổng cộng số tiền chiếm đoạt của bà O2 là 50.214.000 đồng.

+ Lấy tên hội viên Trương Thị M, bị cáo PYn hót 01 phần ở kỳ 13 được số tiền 18.260.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 3.288.000 đồng, chiếm đoạt của bà M số tiền là 14.972.000 đồng.

3. Dây hội 1.000.000 đồng, mở ngày 30/11/2016 âm lịch (dương lịch ngày 28/12/2016), dây hội này mở đến khi ngừng hội, bị cáo PY thu tiền hội sống và hội chết tổng cộng số tiền 363.466.000 đồng (gồm hội sống số tiền 294.466.000 đồng và hội chết số tiền 69.000.000 đồng), bị cáo PY có giao lại tiền hội cho 14 phần hót thật tổng cộng số tiền là 282.490.000 đồng, bị cáo PY còn chiếm đoạt số tiền 80.976.000 đồng. Dây hội còn 11 phần hội sống gồm:

Dương Thị Ngọc A (01 phần); Nguyễn Quốc N (01 phần); Lâm Văn H (02 phần); Đỗ Thị M (01 phần); Ngô Ngọc R (01 phần); Lâm Thị V (01 phần); Trương Văn T (01 phần); Tống Thanh V (02 phần) và Lê Thị Thu H (01 phần).

Do đó, số tiền bị cáo chiếm đoạt của bà Dương Thị Ngọc A là 7.361.500 đồng; của ông Nguyễn Quốc N là 7.361.500 đồng; của ông Lâm Văn H là 14.723.000 đồng; của bà Đỗ Thị M là 7.361.500 đồng; của bà Ngô Ngọc R là 7.361.500 đồng; của bà Lâm Thị V là 7.361.500 đồng; của ông Trương Văn T là 7.361.500 đồng; của ông Tống Thanh V 14.723.000 đồng và của bà Lê Thị Thu H là 7.361.500 đồng.

4. Dây hui tháng 5.000.000 đồng, mở ngày 05/01/2017 âm lịch (dương lịch ngày 01/02/2017), đến khi ngừng hui dây hui còn 12 phần sống trong đó có 03 phần bị cáo lấy tên hui viên hót (Nguyễn Thị Thu T (02 phần); Trần Thị S (01 phần)) và 09 phần hui viên còn sống (Lâm Văn B (01 phần); Nguyễn Thị Kim H (01 phần); Nguyễn Thị O2 (01 phần); Ngô Ngọc R (02 phần); Nguyễn Thị Thu T (01 phần); Trần Thị S (01 phần); Trầm Việt Tr (01 phần); Trương Thị M (01 phần)).

- Phần kê tên không “L”, bị cáo PY hót 01 phần ở kỳ 3 được số tiền 62.000.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 23.500.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 38.500.000 đồng. Do đó, số tiền bị cáo chiếm đoạt của ông Lâm Văn B số tiền là 4.278.000 đồng; bà Nguyễn Thị Kim H số tiền 4.278.000 đồng; bà Nguyễn Thị O2 số tiền là 4.278.000 đồng; bà Ngô Ngọc R số tiền là 8.556.000 đồng; bà Nguyễn Thị Thu T số tiền là 4.278.000 đồng; bà Trần Thị S số tiền là số tiền là 4.278.000 đồng; bà Trầm Việt Tr số tiền là 4.278.000 đồng; bà Trương Thị M số tiền là 4.278.000 đồng.

- Phần bị cáo PY tự ý lấy tên của hui viên tham gia để hót:

+ Lấy tên hui viên Nguyễn Thị Thu T hót 02 phần: Phần thứ nhất hót kỳ 6 được số tiền 62.500.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 4.500.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 58.000.000 đồng; phần thứ hai hót kỳ 7 được số tiền 62.500.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 4.500.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 58.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền chiếm đoạt là 116.000.000 đồng.

+ Lấy tên hui viên Trần Thị S hót 01 phần ở kỳ 5 được số tiền 62.500.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 4.500.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 58.000.000 đồng.

5. Dây hui 500.000đ, mở ngày 20/02/2017 âm lịch (dương lịch ngày 17/03/2017), đến khi ngừng hui còn 10 phần hui sống trong đó có 04 phần bị cáo lấy tên hui viên hót (Lê Minh H2 (02 phần); Nguyễn Thanh Tr (02 phần)) và 06 phần hui viên còn sống (Phan Thị N (02 phần); Nguyễn Thị Như P (01 phần) và Trương Thị M (03 phần)).

- Phần kê tên không “S”, hót 02 phần: Phần thứ nhất hót kỳ 7 được số tiền 6.985.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 4.130.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 2.855.000 đồng; phần thứ hai hót kỳ 8 được số tiền 6.910.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 4.130.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 2.780.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt đối với 02 phần hui không 5.635.000 đồng. Do đó, số tiền bị cáo chiếm đoạt của bà Phan Thị N là 1.878.000 đồng; chiếm đoạt của bà

Nguyễn Thị Như P 939.000 đồng và chiếm đoạt của bà Trương Thị M số tiền là 2.817.000 đồng.

- Phần bị cáo PY tự ý lấy tên của hội viên tham gia để hốt:

- + Lấy tên hội viên Lê Minh H2 hốt 02 phần: Phần thứ nhất hốt kỳ 13 được số tiền 7.225.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 820.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 6.435.000 đồng; phần thứ hai hốt kỳ 14 được số tiền 7.190.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 820.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 6.370.000 đồng. Tổng số tiền chiếm đoạt là 12.805.000 đồng.

- + Lấy tên hội viên Nguyễn Thanh Tr hốt 02 phần: Phần thứ nhất hốt kỳ 9 được số tiền 6.820.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 1.244.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 5.576.000 đồng; phần thứ hai hốt kỳ 12 được số tiền 7.320.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 820.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 6.500.000 đồng. Tổng số tiền chiếm đoạt là 12.076.000 đồng.

6. Dây hội tháng 5.000.000 đồng, mở ngày 10/4/2017 âm lịch (dương lịch ngày 05/5/2017), đến khi ngừng hội dây hội còn 14 phần hội sống gồm: Nguyễn Thị M (01 phần), Nguyễn Thị Kim X (03 phần), Nguyễn Thị Bé S (01 phần), Ngô Ngọc R (01 phần), Nguyễn Thị C (01 phần), Nguyễn Thanh Tr (01 phần), Nguyễn Thị V (01 phần), Mai Thị D (01 phần), Cao Thị T (01 phần) và 02 phần bị cáo mượn hội hốt của hội viên Ngô Thị Thúy L, Bùi Thị H (01 phần).

Bị cáo PY gian dối hốt 02 phần ở 02 kỳ, cụ thể:

- Phần kê tên không “H”, hốt 01 phần ở kỳ 1 được số tiền 52.500.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 5.000.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 47.500.000 đồng.

- Phần kê tên không “T”, hốt 01 phần ở kỳ 2 được số tiền 52.500.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 5.000.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 47.500.000 đồng.

Tổng cộng số tiền chiếm đoạt là 95.000.000 đồng. Như vậy, bị cáo chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị M số tiền là 6.786.000 đồng, bà Nguyễn Thị Kim X số tiền là 20.358.000 đồng, bà Nguyễn Thị Bé S số tiền là 6.786.000 đồng, bà Ngô Ngọc R số tiền là 6.786.000 đồng, bà Nguyễn Thị C 6.786.000 đồng, bà Nguyễn Thanh Tr 6.786.000 đồng, bà Nguyễn Thị V 6.786.000 đồng, bà Mai Thị D 6.786.000 đồng, bà Cao Thị T 6.786.000 đồng và bà Ngô Thị Thúy L số tiền là 13.572.000 đồng, bà Bùi Thị H số tiền là 6.786.000 đồng.

7. Dây hội 1.000.000đ, mở ngày 20/5/2017 âm lịch (dương lịch ngày 14/6/2017), đến khi ngừng hội dây hội còn 20 phần hội sống gồm: 01 phần hội của bà Nguyễn Ngọc L mà bị cáo lấy tên hốt và 19 phần hội sống gồm Dương Thị Ngọc A (02 phần); Võ Thị C (01 phần); Nguyễn Thanh H (01 phần); Lâm Văn H (02 phần); Nguyễn Hồng Y (01 phần); Nguyễn Thị M (01 phần); Nguyễn Thị Kim X (02 phần); Ngô Ngọc R (01 phần); Phạm Thị Thu T (01 phần); Nguyễn Thị C (01 phần); Nguyễn Thanh Tr (01 phần); Trương Thị M (02 phần); Lâm Thị V (01 phần); Ngô Thị Thúy L (02 phần).

03 phần hội bị cáo có hành vi chiếm đoạt cụ thể:

- Phần kê tên không “T” hốt 02 phần: Phần thứ nhất hốt kỳ 3 được số tiền 16.830.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 4.000.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 12.830.000 đồng; phần thứ hai hốt kỳ 4 được số tiền 16.710.000 đồng, bị

cáo PY đóng số tiền 4.000.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 12.710.000 đồng. Tổng cộng số tiền chiếm đoạt là 25.540.000 đồng. Do đó, số tiền bị cáo chiếm đoạt của bà Dương Thị Ngọc A là 2.688.000 đồng; bà Võ Thị C số tiền là 1.344.000 đồng; ông Nguyễn Thanh H số tiền là 1.344.000 đồng; ông Lâm Văn H số tiền là 2.688.000 đồng; bà Nguyễn Hồng Y số tiền là 1.344.000 đồng; bà Nguyễn Thị M số tiền là 1.344.000 đồng; bà Nguyễn Thị Kim X số tiền là 2.688.000 đồng; bà Ngô Ngọc R số tiền là 1.344.000 đồng; bà Phạm Thị Thu T số tiền là 1.344.000 đồng; bà Nguyễn Thị C số tiền là 1.344.000 đồng; bà Nguyễn Thanh Tr số tiền là 1.344.000 đồng; bà Trương Thị M số tiền là 2.688.000 đồng; bà Lâm Thị V số tiền là 1.344.000 đồng; bà Ngô Thị Thúy L số tiền là 2.688.000 đồng.

- Lấy tên hội viên Nguyễn Ngọc L hót 01 phần ở kỳ 5 được số tiền 16.710.000 đồng, bị cáo PY đóng lại số tiền 1.200.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 15.510.000 đồng.

8. Dây hội tháng 3.000.000 đồng, mở ngày 28/7/2017 âm lịch (dương lịch ngày 18/9/2017), đến khi ngừng hội dây hội còn 13 phần hội sống (trong đó bị cáo mượn hót 01 phần là của các hội viên Hà Văn Đ và các phần hội sống gồm Lâm Văn H (02 phần), Nguyễn Thị M (04 phần), Trần Thị Bích H (02 phần), Trần Thị Kim C (01 phần), Nguyễn Thị S (01 phần), Ngô Thị Thúy L (02 phần).

Bị cáo PY gian dối hót 01 phần ở 01 kỳ, cụ thể: Phần kê tên không “S” hót 01 phần ở kỳ 2 được số tiền 28.380.000 đồng, bị cáo PY chiếm đoạt hết số tiền này, phần kê không tên “H” bị cáo PY chưa hót. Do đó, số tiền bị cáo chiếm đoạt của ông Hà Văn Đ là 2.183.000 đồng, ông Lâm Văn H số tiền là 4.366.000 đồng, bà Nguyễn Thị M số tiền là 8.732.000 đồng, bà Trần Thị Bích H số tiền là 4.366.000 đồng, bà Trần Thị Kim C số tiền là 2.183.000 đồng, bà Nguyễn Thị S số tiền là 2.183.000 đồng, bà Ngô Thị Thúy L số tiền là 4.366.000 đồng.

Tổng số tiền các hội viên còn sống đóng trong 08 dây hội nêu trên là 1.616.162.000 đồng, trong đó số tiền cơ quan điều tra chứng minh bị cáo có hành vi gian dối chiếm đoạt của các bị hại là 732.009.000 đồng, cụ thể như sau:

- 1/ Chiếm đoạt của bà Bùi Thị C số tiền là 5.500.000 đồng;
- 2/ Chiếm đoạt của bà Bùi Thị H số tiền là 6.786.000 đồng;
- 3/ Chiếm đoạt của bà Đỗ Thị M số tiền là 7.361.500 đồng;
- 4/ Chiếm đoạt của bà Dương Thị Ngọc A số tiền là 24.241.500 đồng
- 5/ Chiếm đoạt của bà Dương Thị O số tiền là 50.214.000 đồng;
- 6/ Chiếm đoạt của ông Hà Văn Đ số tiền là 2.183.000 đồng;
- 7/ Chiếm đoạt của bà Kiều Thị Thu L số tiền là 5.500.000 đồng;
- 8/ Chiếm đoạt của ông Lâm Thị V số tiền là 10.505.500 đồng.
- 9/ Chiếm đoạt của ông Lâm Văn B số tiền là 4.278.000 đồng;
- 10/ Chiếm đoạt của ông Lâm Văn H số tiền là 50.976.000 đồng.
- 11/ Chiếm đoạt của ông Lê Minh H2 số tiền là 12.805.000 đồng;
- 12/ Chiếm đoạt của bà Lê Thị Thu H3 số tiền là 7.361.500 đồng;
- 13/ Chiếm đoạt của bà Mai Thị D số tiền là 6.786.000 đồng;
- 14/ Chiếm đoạt của bà Ngô Ngọc R số tiền là 24.047.500 đồng
- 15/ Chiếm đoạt của bà Ngô Thị N số tiền là 5.400.000 đồng;

- 16/ Chiếm đoạt của bà Ngô Thị Thúy L số tiền là 20.626.000 đồng
- 17/ Chiếm đoạt của bà Nguyễn Hồng Y số tiền là 1.344.000 đồng;
- 18/ Chiếm đoạt của bà Nguyễn Ngọc L số tiền là 15.510.000 đồng;
- 19/ Chiếm đoạt của ông Nguyễn Quốc N số tiền là 7.361.500 đồng;
- 20/ Chiếm đoạt của ông Nguyễn Thanh H số tiền là 1.344.000 đồng;
- 21/ Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thanh Tr số tiền là 61.206.000 đồng
- 22/ Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thanh V số tiền là 1.800.000 đồng;
- 23/ Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Bé S số tiền là 6.786.000 đồng;
- 24/ Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị C số tiền là 25.375.000 đồng
- 25/ Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Hồng H số tiền là 33.975.000 đồng;
- 26/ Chiếm đoạt của Nguyễn Thị Kim H số tiền là 4.278.000 đồng;
- 27/ Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Kim X số tiền là 23.046.000 đồng
- 28/ Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị M số tiền là 16.862.000 đồng
- 29/ Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Như P số tiền là 939.000 đồng;
- 30/ Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị O2 số tiền là 4.278.000 đồng;
- 31/ Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị S số tiền là 2.183.000.000 đồng;
- 32/ Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị V số tiền là 6.786.000 đồng;
- 33/ Chiếm đoạt của bà Phạm Thị Thu T số tiền là 1.344.000 đồng;
- 34/ Chiếm đoạt của bà Phan Thị N số tiền là 1.878.000 đồng;
- 35/ Chiếm đoạt của ông Tống Thanh V số tiền là 14.723.000 đồng;
- 36/ Chiếm đoạt của bà Trầm Việt Tr số tiền là 4.278.000 đồng;
- 37/ Chiếm đoạt của ông Trần Thành V số tiền là 17.290.000 đồng;
- 38/ Chiếm đoạt của bà Trần Thị Bích H số tiền là 4.366.000 đồng;
- 39/ Chiếm đoạt của bà Trần Thị Kim C số tiền là 2.183.000.000 đồng;
- 40/ Chiếm đoạt của bà Trần Thị S số tiền là 62.278.000 đồng;
- 41/ Chiếm đoạt của bà Trương Thị M số tiền là 24.755.000 đồng;
- 42/ Chiếm đoạt của ông Trương Văn T số tiền là 7.361.500 đồng;
- 43/ Chiếm đoạt của bà Võ Thị C số tiền là 1.344.000 đồng;
- 44/ Chiếm đoạt của bà Cao Thị T số tiền là 6.786.000 đồng;
- 45/ Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Thu T số tiền là 125.778.000đồng.

Do vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh quyết định truy tố bị cáo Trần Thị PY về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là phù hợp với quy định của pháp luật, không oan, không sai.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, của người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, của người bào chữa đều đúng với quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tố tụng, của người bào chữa đều hợp pháp.

[2] Xét tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp đến tài sản của công dân được

pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm hại sẽ bị nghiêm trị. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo Điều 12 Bộ luật hình sự. Bị cáo đã có gia đình, có nguồn thu nhập từ việc nuôi trồng thủy sản, lẽ ra bị cáo phải tích cực lao động nhằm tạo ra thu nhập hợp pháp để nuôi sống bản thân và gia đình. Nhưng bị cáo lại đi ngược với điều đó, bị cáo lợi dụng việc mình làm đầu thảo hui và các hui viên tham gia chơi hui tin tưởng vào bị cáo, ít đi khai hui nên bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối kê tên không tham gia nhiều dây hui và tự ý lấy tên của các hui viên (các hui viên không biết) để hốt hui nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện trong một khoảng thời gian dài. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện tính xem thường pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[3] Tình hình tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua hình thức lợi dụng việc tham gia hui để chiếm dụng vốn trong những năm gần đây tại địa bàn tỉnh Trà Vinh liên tục tăng và mức độ phạm tội ngày càng tinh vi, việc bề hui làm cho các hui viên mất tiền, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự, phát triển kinh tế tại các địa phương, trong đó có hành vi phạm tội của bị cáo. Để góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 xử lý bị cáo Trần Thị PY một mức án tương xứng với hành vi của bị cáo và tính chất của vụ án nhằm giáo dục bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cho bị cáo, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ như: sau khi phạm tội bị cáo thành thật khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt; cha và mẹ của bị cáo đã lớn tuổi, cha bị cáo là người có công với cách mạng; bản thân bị cáo bị bệnh tim thiếu máu cục bộ, hở van 2 lá $\frac{1}{4}$, hở van động mạch chủ $\frac{1}{4}$; các bị hại Trần Thị S, Trầm Việt Tr và Ngô Thị Thúy L có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về trách nhiệm dân sự: bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại Bùi Thị C, Bùi Thị H, Đỗ Thị M, Dương Thị Ngọc A, Dương Thị O, Hà Văn Đ, Kiều Thị Thu L, Lâm Thị V, Lâm Văn B, Lâm Văn H, Lê Minh H2, Lê Thị Thu H3, Mai Thị D, Ngô Ngọc R, Ngô Thị N, Ngô Thị Thúy L, Nguyễn Hồng Y, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Quốc N, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thanh Tr, Nguyễn Thanh V, Nguyễn Thị Bé S, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Hồng H, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thị Kim X, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Như P, Nguyễn Thị O2, Nguyễn Thị S, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị hại Nguyễn Thị V (Trần Quốc T, Trần Toàn Nghĩa T, Trần Nguyễn Huyền T, Trần Toàn Hữu T), Phạm Thị Thu T, Phan Thị N, Tống Thanh V, Trần Thành V, Trần Thị Bích H, Trần Thị Kim C, Trần Thị S, Trương Thị M, Trương Văn T và bà Võ Thị C số tiền chiếm đoạt như nhận định nêu trên. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo tự nguyện bồi thường số tiền mà bị cáo chiếm đoạt của các bị hại. Xét thấy sự tự nguyện này không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với bà Cao Thị T là hội viên bị chiếm đoạt số tiền là 6.786.000 đồng nhưng từ chối làm việc, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, không đặt ra yêu cầu bồi thường số tiền bị chiếm đoạt nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bà Nguyễn Thị Thu T là hội viên bị chiếm đoạt số tiền là 125.778.000 đồng, bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và không yêu cầu bồi thường số tiền bị chiếm đoạt nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bà Trầm Việt Tr là hội viên bị chiếm đoạt số tiền là 4.278.000 đồng, bà Tr yêu cầu xét xử vắng mặt và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền còn lại là 884.153.000đ (Tám trăm tám mươi bốn triệu một trăm năm mươi ba nghìn đồng) mà cơ quan điều tra không chứng minh bị cáo có hành vi chiếm đoạt trong 08 dây hội nêu trên và 02 dây hội bị cáo không có thực hiện hành vi chiếm đoạt (dây hội 2.000.000đ mở ngày 29/01/2017 âm lịch (ương lịch ngày 25/02/2017) và dây hội 500.000đ mở ngày 05/6/2017 âm lịch (ương lịch ngày 27/7/2017)) thì các hội viên và người kế thừa quyền, nghĩa vụ của hội viên sẽ được khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

Đối với khoản nợ vay là 3.908.000.000đ (Ba tỷ chín trăm lẻ tám triệu đồng) mà bị cáo còn nợ thì ông Lâm Văn B, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Thu H, bà Ngô Thị N, bà Trần Kim N, ông Trần Trung N, bà Nguyễn Thị Ánh N, bà Cao Thị M, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thanh Tr, ông Nguyễn Minh Tr, bà Lý Thị T, bà Nguyễn Thị Bé S, bà Nguyễn Thanh V, bà Nguyễn Thị Kim X, bà Võ Mỹ X, bà Nguyễn Hồng Y, bà Hồ Thị Bé N, bà Trần Thị S, bà Trần Thị Tr và ông Lâm Văn H sẽ được khởi kiện bằng một vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[5] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh và người bào chữa là phù hợp với quy định pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo Trần Thị PY phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm a khoản 2 Điều 268, Điều 269 và Điều 299 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ: điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Thị PY phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Thị PY 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam bị cáo là ngày 24/7/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 13, khoản 1 Điều 584, 585, 586, 588, 589 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo bồi thường cho các bị hại như sau:

1/ Bà Bùi Thị C, sinh năm 1970. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền là 5.500.000 đồng;

- 2/ Bà Bùi Thị H, sinh năm 1988. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền là 6.786.000 đồng;
- 3/ Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1984. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền là 7.361.500 đồng;
- 4/ Bà Dương Thị Ngọc A, sinh năm 1972. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền là 24.241.500 đồng
- 5/ Bà Dương Thị O, sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp 11, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền là 50.214.000 đồng;
- 6/ Ông Hà Văn Đ, sinh năm 1982. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền là 2.183.000 đồng;
- 7/ Bà Kiều Thị Thu L, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp 11, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền là 5.500.000 đồng;
- 8/ Bà Lâm Thị V, sinh năm 1969. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền là 10.505.500 đồng.
- 9/ Ông Lâm Văn B, sinh năm 1974. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền là 4.278.000 đồng;
- 10/ Ông Lâm Văn H, sinh năm 1971. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền là 50.976.000 đồng.
- 11/ ông Lê Minh H2, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp 15, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền là 12.805.000 đồng;
- 12/ Bà Lê Thị Thu H3, sinh năm 1967. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền là 7.361.500 đồng;
- 13/ Bà Mai Thị D, sinh năm 1975. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền là 6.786.000 đồng;
- 14/ Bà Ngô Ngọc R, sinh năm 1983. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền là 24.047.500 đồng
- 15/ Bà Ngô Thị N, sinh năm 1980. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền là 5.400.000 đồng;
- 16/ Bà Ngô Thị Thúy L, sinh năm 1981. Địa chỉ: Khóm B, phường 1, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền là 20.626.000 đồng
- 17/ Bà Nguyễn Hồng Y, sinh năm 1977. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền là 1.344.000 đồng;
- 18/ Bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh chiếm đoạt số tiền là 15.510.000 đồng;
- 19/ Ông Nguyễn Quốc N, sinh năm 1994. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền là 7.361.500 đồng;
- 20/ Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1983. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền là 1.344.000 đồng;
- 21/ Bà Nguyễn Thanh Tr, sinh năm 1979. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền là 61.206.000 đồng
- 22/ Bà Nguyễn Thanh V, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh số tiền là 1.800.000 đồng;
- 23/ Bà Nguyễn Thị Bé S, sinh năm 1966. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền là 6.786.000 đồng;

- 24/ Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1961. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền là 25.375.000 đồng
- 25/ Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp 11, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền là 33.975.000 đồng;
- 26/ Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1966. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền là 4.278.000 đồng;
- 27/ Bà Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 1965. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền là 23.046.000 đồng
- 28/ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp 11, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền là 16.862.000 đồng
- 29/ Bà Nguyễn Thị Như P, sinh năm 1974. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền là 939.000 đồng;
- 30/ Bà Nguyễn Thị O2, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp N, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền là 4.278.000 đồng;
- 31/ Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1977. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền là 2.183.000 đồng;
- 32/ Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị V là ông Trần Quốc T, sinh năm 1968, ông Trần Toàn Nghĩa T, sinh năm 1990, bà Trần Nguyễn Huyền T, sinh năm 1992 và ông Trần Toàn Hữu T, sinh năm 1998. Cùng địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền là 6.786.000 đồng;
- 33/ Bà Phạm Thị Thu T, sinh năm 1976. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền là 1.344.000 đồng;
- 34/ Bà Phan Thị N, sinh năm 1982. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền là 1.878.000 đồng;
- 35/ Ông Tống Thanh V, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp P, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh số tiền là 14.723.000 đồng;
- 36/ Ông Trần Thành V, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp B, xã H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền là 17.290.000 đồng;
- 37/ Bà Trần Thị Bích H, sinh năm 1975. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền là 4.366.000 đồng;
- 38/ Bà Trần Thị Kim C, sinh năm 1978. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền là 2.183.000.000 đồng;
- 39/ Bà Trần Thị S, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh số tiền là 62.278.000 đồng;
- 40/ Bà Trương Thị M, sinh năm 1987. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền là 24.755.000 đồng;
- 41/ Ông Trương Văn T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền là 7.361.500 đồng;
- 42/ Bà Võ Thị C, sinh năm 1970. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền là 1.344.000 đồng;
- 43/ Bà Cao Thị T là hội viên bị chiếm đoạt số tiền là 6.786.000 đồng nhưng từ chối làm việc, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, không đặt ra yêu cầu bồi thường số tiền bị chiếm đoạt nên Hội đồng xét xử không xem xét.

44/ Bà Nguyễn Thị Thu T là hội viên bị chiếm đoạt số tiền là 125.778.000 đồng, bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và không yêu cầu bồi thường số tiền bị chiếm đoạt nên Hội đồng xét xử không xem xét.

45/ Bà Trầm Việt Tr là hội viên bị chiếm đoạt số tiền là 4.278.000 đồng, bà Tr yêu cầu xét xử vắng mặt và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tổng số tiền bị cáo bồi thường cho các bị hại như đã nêu trên là 595.167.500đ (Năm trăm chín mươi lăm triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đối với số tiền còn lại là 884.153.000đ (Tám trăm tám mươi bốn triệu một trăm năm mươi ba nghìn đồng) mà cơ quan điều tra không chứng minh bị cáo có hành vi chiếm đoạt trong 08 dây hội nêu trên và 02 dây hội bị cáo không có thực hiện hành vi chiếm đoạt (dây hội 2.000.000đ mở ngày 29/01/2017 âm lịch (ương lịch ngày 25/02/2017) và dây hội 500.000đ mở ngày 05/6/2017 âm lịch (ương lịch ngày 27/7/2017)) thì các hội viên và người kế thừa quyền, nghĩa vụ của hội viên sẽ được khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

Đối với khoản nợ vay là 3.908.000.000đ (Ba tỷ chín trăm lẻ tám triệu đồng) mà bị cáo còn nợ thì ông Lâm Văn B, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Thu H, bà Ngô Thị N, bà Trần Kim N, ông Trần Trung N, bà Nguyễn Thị Ánh N, bà Cao Thị M, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thanh Tr, ông Nguyễn Minh Tr, bà Lý Thị T, bà Nguyễn Thị Bé S, bà Nguyễn Thanh V, bà Nguyễn Thị Kim X, bà Võ Mỹ X, bà Nguyễn Hồng Y, bà Hồ Thị Bé N, bà Trần Thị S, bà Trần Thị Tr và ông Lâm Văn H sẽ được khởi kiện bằng một vụ kiện khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Trần Thị PY phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 27.807.000đ (Hai mươi bảy triệu tám trăm lẻ bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày án sơ thẩm đã tuyên. Đối với bị hại, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Phòng hồ sơ - CA tỉnh Trà Vinh;
- TTG - CA tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- CA thị xã D;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Minh Tự

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Phòng hồ sơ - CA tỉnh Trà Vinh;
- TTG - CA tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- CA thị xã Duyên Hải;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ
tổ tụng của bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Minh Tự

